

Số: 63 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 16 tháng 9 năm 2009

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định thu phí qua phà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2009/NQ-HĐND ngày 16/7/2009 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thu phí qua phà và lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1541/TTr-SGTVT ngày 31/8/2009,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay quy định thu phí qua phà áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 2. Đối tượng thu phí**

Đối tượng thu phí bao gồm hàng hóa, người, phương tiện giao thông, xe máy công trình, thiết bị có nhu cầu sang sông bằng phà.

### Điều 3. Đối tượng miễn thu phí

- a) Xe cứu hỏa;
- b) Xe cứu thương và các loại xe khác chở người bị nạn đi cấp cứu;
- c) Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: Máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa;
- d) Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão;
- đ) Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: Xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân;
- e) Đoàn xe đưa tang;
- g) Đoàn xe có xe hộ tống dẫn đường;
- h) Học sinh đi học, người già neo đơn, thương bệnh binh (có thẻ), người tàn tật.

### Điều 4. Đơn vị tổ chức thu phí

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác có giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách thủy nội địa được quyền thu phí qua phà theo quy định của pháp luật.

### Điều 5. Mức thu phí

1. Đồng tiền thu phí: Việt Nam đồng (VNĐ).

2. Mức thu:

Tuỳ theo điều kiện cụ thể như: Khoảng cách sông rộng, hẹp, dòng chảy, đầu tư đầu bến, đường vào bến, trọng tải và chất lượng phương tiện... mức thu phí (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau:

STT	Đối tượng thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Xe có trọng tải đến 1 tấn	đ/lượt	30.000 - 40.000
2	Xe có trọng tải trên 1 tấn đến 3 tấn	đ/lượt	45.000 - 65.000
3	Xe có trọng tải trên 3 tấn đến 5 tấn	đ/lượt	70.000 - 85.000
4	Xe có trọng tải trên 5 tấn đến 7 tấn	đ/lượt	90.000 - 105.000
5	Xe có trọng tải trên 7 tấn đến 8 tấn	đ/lượt	110.000 - 120.000
6	Xe có trọng tải trên 8 tấn đến 10 tấn	đ/lượt	125.000 - 150.000
7	Xe có trọng tải trên 10 tấn đến 15 tấn	đ/lượt	155.000 - 170.000
8	Xe có trọng tải trên 15 tấn đến 25 tấn	đ/lượt	175.000 - 190.000
9	Xe có trọng tải trên 25 tấn, đầu kéo + rơ-moóc	đ/lượt	200.000
10	Xe lôi, xe lam	đ/lượt	10.000
11	Xe ô tô đến 5 chỗ ngồi	đ/lượt	30.000 - 60.000
12	Xe ô tô 6-16 chỗ ngồi	đ/lượt	50.000 - 70.000
13	Xe ô tô 17-30 chỗ ngồi	đ/lượt	65.000 - 75.000
14	Xe ô tô 31-50 chỗ ngồi	đ/lượt	75.000 - 85.000
15	Xe ô tô trên 50 chỗ ngồi	đ/lượt	90.000
16	Xe máy công trình	đ/lượt	150.000 - 180.000
17	Hàng hóa, thiết bị	đ/tấn	20.000
18	Thuê bao cả chuyến phà	đ/lượt	200.000

**GHI CHÚ:** - Trọng tải xe được xác định bằng tự trọng xe + hàng hóa (nếu có).  
- Khách đi trên xe thu như người đi bộ.

Đối với phà có chở khách và xe 02 bánh thì mức thu được áp dụng theo Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về thu phí qua đò trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đối với đò ngang), cụ thể như sau:

STT	Đối tượng thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
01	Người	đ/luợt	1.000 - 3.000
02	Xe đạp	đ/luợt	1.000 - 3.000
03	Xe máy	đ/luợt	2.000 - 5.000

Trường hợp hành khách có mang theo hàng hóa, mức thu đối với hàng hóa có khối lượng từ 50 kg trở lên không quá 5.000 đồng/luợt; từ 20 kg đến dưới 50 kg thì mức thu được áp dụng mức thu như đối với xe đạp đi kèm hành khách; hàng hóa dưới 20 kg không thu phí, nếu hàng hóa cồng kềnh thì mức thu có thể cao hơn nhưng không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa thông thường.

Mức thu phí nêu trên là mức khung để cho mỗi địa phương căn cứ tình hình thực tế và điều kiện cụ thể mà xây dựng mức thu cho phù hợp, kể cả mức thu vé tháng (nếu có), nhưng không được vượt quá mức khung thu phí này. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa thẩm định phương án thu của các tổ chức, cá nhân thu phí và thỏa thuận với Sở Giao thông Vận tải để quyết định mức thu phí trước khi tổ chức thực hiện. UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên có thẩm quyền theo quy định để theo dõi quá trình thực hiện.

## **Điều 6. Mức trích phí**

Hiện nay các tổ chức, cá nhân kinh doanh phà tự mua sắm phương tiện và chịu chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh nên tổng số phí qua phà thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu (đã bao gồm thuế GTGT). Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, tổ chức, cá nhân thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền thu phí thu được cùng với kết quả hoạt động kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Trường hợp sau này có phà do Nhà nước đầu tư, khai thác thì doanh thu phí qua phà thuộc Ngân sách nhà nước, đơn vị quản lý phải xây dựng mức trích phí được để lại phục vụ công tác thu, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

## **Điều 7. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí**

### **1. Chứng từ thu phí**

a) Chứng từ thu phí: Chứng từ thu phí qua phà được thực hiện theo khoản 2, khoản 3 phần A mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

b) Tổ chức thu phí: Khi thu phí qua phà, tổ chức, cá nhân phải cấp vé đúng mệnh giá quy định cho phương tiện qua phà.

## 2. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Phí thuộc ngân sách Nhà nước: Đơn vị quản lý, khai thác phà phải xây dựng mức trích để lại (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt) để phục vụ công tác thu và phải quản lý, sử dụng theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính, phần còn lại phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

b) Phí không thuộc ngân sách Nhà nước: Tổng số phí thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu. Tổ chức, cá nhân có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã kê khai nộp thuế theo quy định.

## 3. Quyết toán phí

Hàng năm, tổ chức, cá nhân thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 8. Công khai chế độ thu phí

Tổ chức thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: Niêm yết tên phí, mức thu, chứng từ thu, đối tượng miễn nộp phí; thông báo công khai văn bản quy định thu phí.

## Điều 9. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/2/2004 của Bộ Tài chính.

**Điều 10.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 11.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Phúc**